

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Số liệu tính đến ngày 01/8/2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

2. Địa chỉ: Số 33 Vĩnh Viễn Phường 2 Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh

Số tài khoản: 3713.0.1076864.00000

Mở tại: Kho bạc Nhà nước Quận 10, TP.HCM

Người đại diện theo pháp luật: Trần Văn Tú

Chức vụ: Hiệu trưởng

2.1. Trụ sở chính: Số 33 Vĩnh Viễn Phường 2 Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38330731

Email: hce@kthcm.edu.vn

Website: www.kthcm.edu.vn

2.2. Địa điểm đào tạo

Địa chỉ: Số 33 Vĩnh Viễn Phường 2 Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38330731

Fax: 028.38330731

Email: hce@kthcm.edu.vn

2.3. Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Công lập

3. Quyết định thành lập số 620/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03/02/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định đổi tên số: Không có

5. Cơ cấu, tổ chức bộ máy, gồm:

5.1. Hội đồng trường: ☒

5.2. Ban Giám hiệu, gồm:

a) Hiệu trưởng: Trần Văn Tú

- Ngày, tháng, năm sinh: 09/04/1976

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

- Nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp:

Đã được cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Quyết định số 751/QĐ-TCGDNN ngày 28/10/2020 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp.

b) Phó Hiệu trưởng:

- Họ và tên: Phạm Hùng Dũng

+ Ngày, tháng, năm sinh: 27/02/1978

+ Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ

+ Nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp:

Đã qua lớp bồi dưỡng: ☒; Theo Thông báo số 541/TB-CĐKT ngày 07/9/2017 của Trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM về tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Họ và tên: Võ Thị Khánh Vân

+ Ngày, tháng, năm sinh: 01/09/1977

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

+ Nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp:

Đã qua lớp bồi dưỡng: ☒; Theo Thông báo số 541/TB-CĐKT ngày 07/9/2017 của Trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM về tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Họ và tên: Nguyễn Đặng An Long

+ Ngày, tháng, năm sinh: 19/02/1976

+ Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ

+ Nghiệp vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp:

Đã qua lớp bồi dưỡng: ☒; Theo Quyết định số 511/QĐ-CĐKT ngày 05/7/2022 của Trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM về cử viên chức tham gia bồi dưỡng “Nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp” năm 2022.

c) Số phòng, gồm: 07 phòng: Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, phòng Quan hệ hợp tác – Quản lý khoa học – Thư viện, phòng Công tác Học sinh Sinh viên, phòng Quản trị Cơ sở vật chất.

d) Số khoa, tổ bộ môn, gồm: 07 khoa: Khoa Khoa học cơ bản, khoa Quản trị - Kinh doanh, khoa Ngoại ngữ, khoa Tài chính - Ngân hàng, khoa Kế toán - Kiểm toán, khoa Công nghệ thông tin, khoa Khoa học xã hội – Khách sạn – Du lịch.

e) Số trung tâm, gồm: 02 trung tâm: Trung tâm Truyền thông - Tuyển sinh, Trung tâm Đào tạo nguồn nhân lực và Dịch vụ.

6. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp:

a) Tổng số 26 ngành, nghề đào tạo. Trong đó:

- Trình độ cao đẳng: 18 ngành, nghề, gồm:

- + Quản trị kinh doanh
- + Kinh doanh thương mại
- + Kinh doanh xuất nhập khẩu
- + Logistics
- + Marketing
- + Tài chính ngân hàng
- + Tài chính doanh nghiệp
- + Kế toán
- + Kiểm toán
- + Quản lý công nghiệp
- + Hướng dẫn du lịch
- + Công tác xã hội
- + Quản trị khách sạn
- + Tiếng Anh
- + Tiếng Hàn Quốc
- + Công nghệ thông tin
- + Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)
- + Đồ họa đa phương tiện
- Trình độ trung cấp: 8 ngành, nghề, gồm:

- + Logistics
- + Hướng dẫn du lịch
- + Kinh doanh thương mại và dịch vụ
- + Kinh doanh xuất nhập khẩu
- + Quản lý doanh nghiệp
- + Công tác xã hội
- + Kế toán doanh nghiệp
- + Kế toán hành chính sự nghiệp

b) Địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm:

- Trụ sở chính: ☒
- Số địa điểm đào tạo ngoài trụ sở chính: Không có

7. Địa điểm đào tạo chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Không có.



II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thống kê đội ngũ giảng viên

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên cơ hữu	108	21	86	01	0	0
2	Giảng viên thỉnh giảng	143	43	90	10	0	0

2. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên

TT	Chỉ số	Số lượng
1	Số cán bộ quản lý	22
2	Số nhân viên	58

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Chỉ số (m ²)
1	Diện tích sàn/sinh viên	1.5 m ² /sinh viên
2	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	4,5 Mbps

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất	6.590,1	6.590,1		
2	Tổng diện tích sàn	27.500,47	27.500,47		

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Kinh phí (triệu đồng)
1	Mua sắm cơ sở vật chất và trang thiết bị	820
2	Xây dựng sửa chữa tòa nhà	903
3	Sửa chữa/ nâng cấp phòng thực hành	1.425

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt):

+ Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam – VTEC.

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Theo thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Mức độ đạt kiểm định: Tổng số điểm đạt được 93/100.

- Thời gian hiệu lực: Từ ngày 06 tháng 02 năm 2023 đến ngày 05 tháng 02 năm 2028.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	Hướng dẫn du lịch	Hướng dẫn du lịch	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam – VTEC	Hiệu lực đến 09/12/2027
2	Logistics	Logistics	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam – VTEC	Hiệu lực đến 14/8/2028
3	Kế toán	Kế toán	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam – VTEC	Hiệu lực đến 03/11/2028
4	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam – VTEC	Hiệu lực đến 19/01/2029
5	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn giáo dục Việt Nam – VTEC	Hiệu lực đến 09/5/2029

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Chỉ số
1	Số lượng nhập học	2877
2	Số lượng người học tốt nghiệp	2900
3	Tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	88%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Số lượng nhập học	Số lượng tốt nghiệp
1	Công nghệ thông tin	110	31
2	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	40	23
3	Công tác xã hội	38	27
4	Hướng dẫn du lịch	54	47
5	Kế toán	354	532
6	Kiểm toán	24	28
7	Kinh doanh thương mại	232	267
8	Kinh doanh xuất nhập khẩu	112	242
9	Logistics	277	202
10	Marketing	445	0
11	Quản lý công nghiệp	31	21
12	Quản trị kinh doanh	363	1012
13	Quản trị khách sạn	154	56
14	Tài chính - Ngân hàng	220	148
15	Tiếng Anh	205	192
16	Tiếng Hàn Quốc	105	54
17	Tài chính doanh nghiệp	27	0

TT	Số lượng người học	Số lượng nhập học	Số lượng tốt nghiệp
18	Đồ họa đa phương tiện	86	0
19	Kế toán hành chính sự nghiệp (Trung cấp)	Đang tuyển sinh	18
Tổng		2877	2900

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)
1	Đề tài cấp Nhà nước	/	/
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	/	/
3	Đề tài cấp cơ sở	06	61
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	/	/
5	Đề tài hợp tác quốc tế	/	/
Tổng số		06	61

2. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Số lượng
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	25
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	/
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	/
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	/
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	/

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Đơn vị tính (đồng)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	92.552.000.000
	Thu giáo dục và đào tạo	
1	Học phí, lệ phí từ người học	73.311.000.000
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0
3	Thu khác	19.241.000.000
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	64.840.435.000
I	Chi lương, thu nhập	15.709.000.000
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	3.457.000.000
III	Chi hỗ trợ người học	6.235.435.000
IV	Chi khác	39.439.000.000
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	27.711.565.000



HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tú